

**TỔNG QUAN**

**Vốn đăng ký đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đạt mức khá thấp trong 8 tháng đầu năm 2022, tuy nhiên vốn thực hiện đạt kết quả tích cực.**

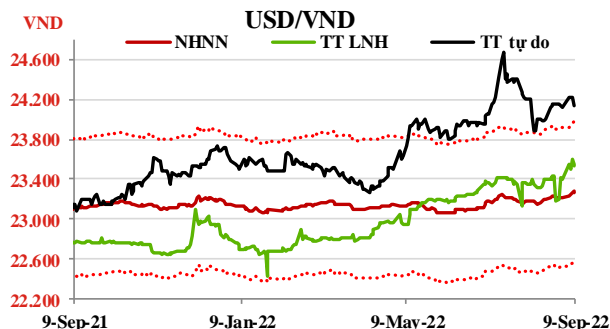
Thông tin từ Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến ngày 20/08/2022, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 16,8 tỷ USD. Theo đó, tuy vốn đầu tư đăng ký mới này giảm (bằng 87,7% so với cùng kỳ năm 2021), nhưng cả vốn đầu tư điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần vẫn tiếp tục tăng so với cùng kỳ. Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt trên 10,7 tỷ USD, chiếm 63,9% tổng vốn đầu tư đăng ký. Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư trên 3,3 tỷ USD. Tiếp theo lần lượt là các ngành hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ; thông tin truyền thông với tổng vốn đăng ký đạt lần lượt là gần 620,8 triệu USD và 518,9 triệu USD. Nếu xét về số lượng dự án mới thì bán buôn bán lẻ, công nghiệp chế biến chế tạo và hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ là các ngành thu hút được nhiều dự án nhất; chiếm lần lượt 30,3%, 25,3% và 16,1% tổng số dự án. Đặc biệt, vốn đầu tư nước ngoài thực hiện 8 tháng năm 2022 ước tính đạt 12,8 tỷ USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn FDI thực hiện cao nhất của 8 tháng trong 5 năm qua. Tính lũy kế đến ngày 20/08/2022, cả nước có 35.539 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký trên trên 430 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư nước ngoài ước đạt 264,4 tỷ USD - bằng 61,5% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

Bộ KH&ĐT nhận định, có thể thấy, sau 35 năm, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc thu hút vốn FDI vào phát triển kinh tế-xã hội, FDI đã trở thành khu vực kinh tế quan trọng của Việt Nam. Đóng góp của khu vực FDI đối với nền kinh tế Việt Nam có thể kể ra ở những điểm nhấn sau: Đầu tiên, với hơn 264 tỷ USD đầu tư vào Việt Nam, được triển khai thực hiện trong hầu hết các ngành nghề và lĩnh vực của nền kinh tế, khu vực FDI góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành những ngành công nghiệp chủ lực như: viễn thông, dầu khí, điện tử, hóa chất, thép, ô tô, xe máy, công nghệ thông tin, da giày, dệt may, chế biến nông sản thực phẩm... FDI đã góp phần quan trọng trong việc gia tăng năng lực sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam. Đến nay, khu vực FDI chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trên 72% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, góp phần giảm đáng kể tỷ lệ nhập siêu. Đơn cử 8 tháng năm 2022, xuất khẩu của khu vực FDI đạt 185,44 tỷ USD, tăng 18,2% so với cùng kỳ năm 2021 và chiếm hơn 73% kim ngạch xuất khẩu, xuất siêu đạt 24,55 tỷ USD.

Thời gian tới, mặc dù cơ hội đón vốn FDI tại Việt Nam là khá triển vọng, song cuộc cạnh tranh thu hút đầu tư FDI đang ngày càng quyết liệt và khó khăn, nhất là trong bối cảnh nguồn cung vốn hạn chế và ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Hầu hết các quốc gia đều đang nỗ lực tranh thủ thu hút nguồn lực bên ngoài để duy trì và phục hồi nền kinh tế. Do đó, cạnh tranh thu hút FDI giữa các quốc gia đang phát triển có sự tương đồng về thị trường, trình độ phát triển, công nghệ và lao động đang ngày càng gay gắt. Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030 vừa được ban hành tháng 6/2022 đã đưa ra mục tiêu cụ thể trong hợp tác đầu tư nước ngoài là: Nâng cao tỷ lệ vốn đầu tư đăng ký của các quốc gia và vùng lãnh thổ trong một số khu vực trong tổng số vốn FDI cả nước lên hơn 70% trong giai đoạn 2021 - 2025 và 75% trong giai đoạn 2026 - 2030, bao gồm: Châu Á: Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Malaysia, Thái Lan, Ấn Độ, Indonesia, Phillipines; Châu Âu: Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Liên bang Nga, Anh; và Châu Mỹ: Hoa Kỳ. Tăng 50% số lượng Tập đoàn đa quốc gia thuộc nhóm 500 Tập đoàn lớn nhất thế giới do Tạp chí Fortune (Hoa Kỳ) xếp hạng có hiện diện và hoạt động tại Việt Nam. Chiến lược cũng đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam sẽ nằm trong nhóm 3 quốc gia dẫn đầu ASEAN và nhóm 60 quốc gia đứng đầu thế giới theo xếp hạng môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức đối với Việt Nam để có các giải pháp khắc phục. Về thách thức nội tại, từ góc nhìn của nhà đầu tư nước ngoài, Việt Nam có những điểm yếu như: Sức mua dù tăng trưởng, nhưng vẫn còn thấp so với nhiều nước trong khu vực (nhỏ hơn 4 lần so với Indonesia); thiếu quy hoạch đồng bộ và dài hạn trong thu hút FDI; hệ thống luật pháp chính sách liên quan đến đầu tư không ổn định, nhất quán nên thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính về đầu tư còn phức tạp do cơ chế quản lý và hệ thống luật pháp liên quan đến đầu tư còn chồng chéo; nguồn cung đầu vào tại chỗ còn yếu; công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển... Về thách thức từ bên ngoài, cản trở lớn nhất có ảnh hưởng đến cơ hội của Việt Nam trong hợp tác đầu tư nước ngoài có thể kể đến yếu tố Việt Nam nằm ngay sát một nền kinh tế lớn, có sức hấp dẫn lớn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, như Trung Quốc, bất chấp trong thời gian gần đây, nhiều chuyên gia cũng đã đề cập đến việc chuyển dịch của dòng vốn này từ Trung Quốc sang các nước nhận đầu tư khác do tình hình dịch bệnh và các yếu tố địa chính trị.

• **Thị trường ngoại tệ**



Trong các phiên từ 05/09 - 09/09, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng mạnh ở 4 phiên đầu tuần, phiên cuối tuần giảm trở lại. Chốt ngày 09/09, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.263 VND/USD, tăng 44 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được NHNN giữ nguyên niêm yết ở mức 22.550 đồng 2 phiên đầu tuần, sau đó dừng niêm yết. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 23.400 VND/USD trong 2 phiên đầu tuần, 3 phiên cuối tuần được niêm yết lên 23.700 VND/USD, tăng 300 đồng so với trước đó.

Tỷ giá LNH cũng tăng mạnh 3 phiên đầu tuần qua, 2 phiên cuối đã giảm trở lại. Phiên cuối tuần 09/09, tỷ giá LNH đóng cửa tại 23.524 VND/USD, tăng tiếp 59 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Sau khi tăng mạnh phiên đầu tuần, tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên 2 phiên sau đó và giảm nhẹ 2 phiên cuối tuần. Chốt phiên 09/09, tỷ giá tự do tăng 90 đồng ở chiều mua vào và 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 24.090 VND/USD và 24.140 VND/USD.

• **Thị trường tiền tệ liên ngân hàng**

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	W/W	USD	W/W	Kỳ hạn	Lợi suất	W/W
ON	4.51	-0.52	2.50	0.01	3Y	3.08	-0.012
1W	4.69	-0.40	2.67	0.01	5Y	3.15	0.068
2W	4.87	-0.22	2.77	0.01	7Y	3.55	0.180
1M	5.16	0.10	2.94	0.02	10Y	3.67	0.122
2M	5.39	0.26	3.08	0.01	15Y	3.77	0.096
3M	5.51	0.32	3.25	0.04			
6M	5.76	0.45	3.42	0.03			
9M	5.77	0.44	3.46	0.04			
1Y	5.76	0.40	3.50	0.03			

Nguồn: Reuters

Trong tuần từ 05/09 - 09/09, lãi suất VND LNH tăng 3 phiên đầu tuần sau đó giảm mạnh trở lại. Chốt ngày 09/09, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 4,51% (-0,52 đpt so với phiên cuối tuần trước đó); 1W 4,69% (-0,40 đpt); 2W 4,87% (-0,22 đpt); 1M 5,16% (+0,10%).

Lãi suất USD LNH tiếp tục biến động nhẹ ở tất cả các kỳ hạn trong tuần qua. Chốt tuần 09/09, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 2,50% (+0,01 đpt); 1W 2,67% (+0,01 đpt); 2W 2,77% (+0,01 đpt) và 1M 2,94% (+0,02 đpt).

• **Thị trường mở**

Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN từ 05/09 đến 09/09/2022

Đơn vị: Tỷ đồng	KL chào thầu	KL trúng thầu	KL đáo hạn	Ròng	KL lưu hành
Nhiệm vụ cầm cố	0	64,428.74	22,376.97	42,051.77	64,428.74
Nhiệm vụ mua bán tín phiếu NHNN	0	-	16,100.00	16,100.00	44,825.00
Tổng cộng				58,151.77	

Trên thị trường mở tuần từ 05/09 - 09/09, NHNN chào thầu trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, có 1 phiên bổ sung kỳ hạn 14 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 64.428,74 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất ở mức 4,5 – 4,65%. Trong tuần có 22.376,97 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, có 16.100 tỷ đồng tín phiếu đến hạn trong tuần.

Như vậy, NHNN bơm ròng 58.151,77 tỷ VND ra thị trường thông qua nhiệm vụ thị trường mở, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố tăng mạnh lên mức 64.428,74 tỷ VND, khối lượng tín phiếu lưu hành giảm xuống còn 44.825 tỷ đồng.

• **Thị trường trái phiếu chính phủ:**

**Giao dịch trên thị trường sơ cấp.**

Ngày 05/09, NHCSXH gọi thầu 3.000 tỷ đồng TPCPBL ở các kỳ hạn từ 3 năm đến 15 năm, trong đó kỳ hạn 3 năm và 5 năm gọi thầu 1.000 tỷ đồng/kỳ hạn, kỳ hạn 10 năm và 15 năm gọi thầu 500 tỷ đồng/kỳ hạn. Tuy nhiên, phiên đấu thầu thất bại. Lũy kế từ đầu năm, NHCSXH huy động thành công 5.000 tỷ đồng TPCPBL.

Ngày 07/09, KBNN huy động được 35/6.500 tỷ đồng TPCP (tỷ lệ trúng thầu 0,54%), đều ở kỳ hạn 10 năm. Kỳ hạn 5 năm và 15 năm đấu thầu thất bại. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm giữ nguyên tại 2,85%/năm.

Trong tuần vừa qua từ 05/09 – 07/09 và tuần này từ 12/09 – 16/09 không có TPCP đáo hạn. Về kế hoạch đấu thầu trong tuần này: ngày 12/09, NHCSXH dự kiến gọi thầu 4.000 tỷ đồng TPCPBL các kỳ hạn từ 3 năm đến 15 năm; tiếp đó ngày 14/09, KBNN dự kiến gọi thầu 7.000 tỷ đồng TPCP các kỳ hạn từ 7 năm đến 15 năm.

### Thị trường TPCP sơ cấp

Đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi	Tỷ lệ trúng thầu	Tỷ lệ đặt thầu	Số TV tham gia
VBSP	5-Sep-22	3	1000	0	0.00%	0.00%	0%	0.50	1
VBSP	5-Sep-22	5	1000	0	0.00%	0.00%	0%	0.00	0
VBSP	5-Sep-22	10	500	0	0.00%	0.00%	0%	0.30	1
VBSP	5-Sep-22	15	500	0	0.00%	0.00%	0%	0.30	1
MOF	7-Sep-22	5	500	0	0.00%	0.00%	0%	0.80	4
MOF	7-Sep-22	10	3000	35	2.85%	0.00%	1%	1.50	15
MOF	7-Sep-22	15	3000	0	0.00%	0.00%	0%	1.22	7
<b>Tổng</b>			<b>9500</b>	<b>35</b>			<b>0%</b>	<b>0.98</b>	

**Giao dịch trên thị trường thứ cấp:** Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 4.627 tỷ đồng/phiên, giảm so với mức 5.506 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

Thống kê giao dịch Outright						Thống kê giao dịch Repos					
Ngày	< 2 năm	2 - 5 năm	5 - 10 năm	> 10 năm	Tổng	Ngày	< 31 ngày	31 - 60 ngày	60 - 92 ngày	> 92 ngày	Tổng
5/Sep/22	-	-	1,218	1,480	<b>2,697</b>	5/Sep/22	1,199	-	-	-	<b>1,199</b>
6/Sep/22	360	174	507	649	<b>1,690</b>	6/Sep/22	577	-	-	-	<b>577</b>
7/Sep/22	626	174	1,784	2,071	<b>4,655</b>	8/Sep/22	2,174	1,843	-	-	<b>4,016</b>
8/Sep/22	322	-	1,761	899	<b>2,982</b>	9/Sep/22	693	-	-	-	<b>693</b>
	<b>1,308</b>	<b>347</b>	<b>5,269</b>	<b>5,099</b>	<b>12,024</b>		<b>4,643</b>	<b>1,843</b>	-	-	<b>6,486</b>
<b>+_ WoW</b>	<b>980</b>		<b>3,537</b>	<b>2,970</b>	<b>7,835</b>	<b>+_ WoW</b>	<b>(6,062)</b>	<b>219</b>			<b>(5,842)</b>
<b>% WoW</b>	<b>298%</b>		<b>204%</b>	<b>140%</b>	<b>187%</b>	<b>% WoW</b>	<b>-57%</b>	<b>14%</b>			<b>-47%</b>
Tỷ trọng	11%	3%	44%	42%	100%	Tỷ trọng	72%	28%	0%	0%	100%

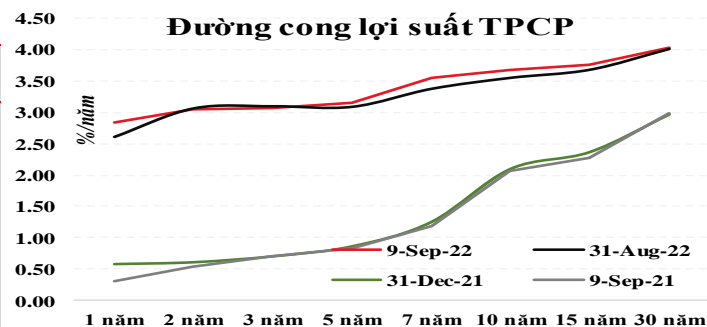
Đvt: Tỷ đồng

Đvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP tăng ở hầu hết các kỳ hạn. Chốt phiên 09/09, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1 năm 2,85% (+0,25 đpt); 2 năm 3,05% (-0,01 đpt); 3 năm 3,08% (-0,01 đpt); 5 năm 3,15% (+0,07đpt); 7 năm 3,55% (+0,18 đpt); 10 năm 3,67% (+0,12 đpt); 15 năm 3,77% (+0,1 đpt); 30 năm 4,03% (+0,02 đpt).

### Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp

%/năm	1 năm	2 năm	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	30 năm
<b>9-Sep-22</b>	<b>2.85</b>	<b>3.05</b>	<b>3.08</b>	<b>3.15</b>	<b>3.55</b>	<b>3.67</b>	<b>3.77</b>	<b>4.03</b>
<b>So WoW</b>	<b>0.25</b>	<b>-0.01</b>	<b>-0.01</b>	<b>0.068</b>	<b>0.18</b>	<b>0.12</b>	<b>0.10</b>	<b>0.025</b>
<b>So YoY</b>	<b>2.55</b>	<b>2.52</b>	<b>2.38</b>	<b>2.33</b>	<b>2.37</b>	<b>1.61</b>	<b>1.49</b>	<b>1.05</b>
<b>So YTD</b>	<b>2.28</b>	<b>2.44</b>	<b>2.38</b>	<b>2.29</b>	<b>2.30</b>	<b>1.57</b>	<b>1.40</b>	<b>1.06</b>

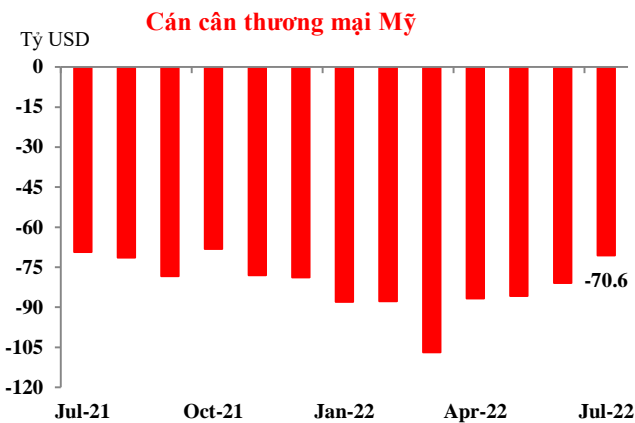
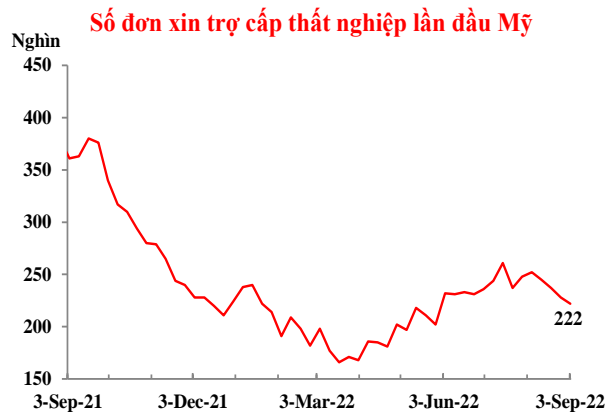
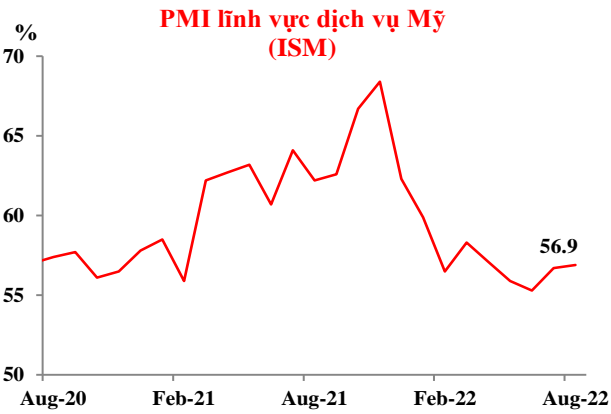


### Thị trường chứng khoán

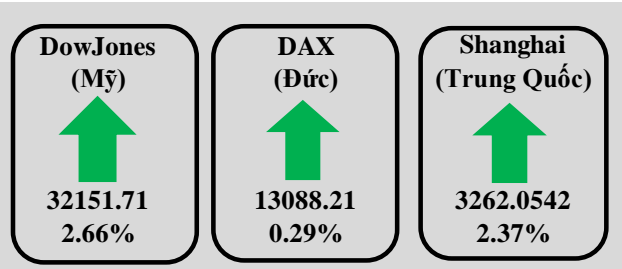
09/09/22	VN-Index	HNX-Index	Upcom
<b>Điểm</b>	1248.78	284.63	90.64
<i>thay đổi so với tuần trước</i>	<b>-2.48%</b>	<b>-2.50%</b>	<b>-1.95%</b>
<i>thay đổi so với đầu năm</i>	<b>-16.65%</b>	<b>-39.95%</b>	<b>-19.56%</b>
<b>KLGD/phiên (tr.đ.v)</b>	628.81	75.81	0.04
<i>thay đổi so với tuần trước</i>	<b>-10.51%</b>	<b>12.07%</b>	<b>-99.96%</b>
<b>GTGD/phiên (tỷ đ)</b>	15301.93	1523.68	0.0007
<i>thay đổi so với tuần trước</i>	<b>-25.94%</b>	<b>-14.82%</b>	<b>-53.70%</b>
<b>ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)</b>	(1,166.31)	70.54	(0.02)

Tuần từ 05/09 - 09/09, thị trường chứng khoán có một tuần tiêu cực khi cả 3 chỉ số đều giảm điểm. Chốt tuần 09/09, VN-Index đứng ở mức 1.248,78 điểm, giảm mạnh 31,73 điểm (-2,48%) so với cuối tuần trước đó; HNX-Index giảm 7,29 điểm (-2,50%) xuống 284,63 điểm; UPCOM-Index mất 1,80 điểm (-1,95%) còn 90,64 điểm.

Thanh khoản thị trường vẫn ở mức trung bình với giá trị giao dịch trung bình gần 16.800 tỷ đồng/phiên. Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 1.096 tỷ đồng trên cả 3 sàn trong tuần qua.



**Chỉ số chứng khoán tuần**



**NHTW Úc RBA và NHTW Châu Âu ECB cùng tăng mạnh LSCS nhằm kiểm soát lạm phát, trong khi đó NHTW Trung Quốc PBOC cũng có biện pháp bảo vệ tỷ giá.** Cụ thể, ngày 06/09, RBA quyết định tăng LSCS thêm 50 điểm cơ bản, từ 1,85% lên 2,35%. RBA dự báo CPI Úc năm 2022 vào khoảng 7,75%; giảm xuống còn hơn 4% năm 2023 và chỉ còn khoảng 3% vào năm 2024. Tại Châu Âu, ngày 08/09, ECB quyết định tăng LSCS 75 điểm, theo đó LS cho vay tái cấp vốn nâng từ 0,5% lên 1,25%; LS cho vay cận biên tăng từ 0,75% lên 1,5% và LS tiền gửi từ 0,0% lên 0,75%. Đây là kỳ tăng LSCS mạnh nhất trong lịch sử kể từ khi đồng EUR ra đời năm 1999. ECB cho biết có thể tiếp tục tăng LSCS trong tương lai, song sẽ thường xuyên đánh giá lại chính sách dựa trên các thông tin kinh tế. Cơ quan này dự báo lạm phát sẽ giảm xuống còn 8,1% trong năm 2022, 5,5% năm 2023 và 2,3% vào năm 2024. Tại Trung Quốc, ngày 06/09, PBOC thông báo cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ của các NHTM từ 8% về còn 6%. Đây là lần thứ 2 trong năm nay PBOC cắt giảm tỷ lệ này, lần đầu tiên diễn ra vào tháng 4 với mức giảm từ 9% xuống 8%. Theo tính toán, động thái này sẽ giúp giải phóng khoảng 19 tỷ USD ngoại tệ ra thị trường, trong bối cảnh đồng CNY đã mất giá khoảng 9% so với USD kể từ đầu năm 2022.

**Mỹ ghi nhận một số thông tin kinh tế quan trọng.** Đầu tiên, Viện Quản lý cung ứng Mỹ ISM cho biết chỉ số PMI lĩnh vực dịch vụ của nước này ở mức 56,9% trong tháng 8, tăng nhẹ từ 56,7% của tháng 7 và trái với dự báo giảm xuống còn 55,4%. Tiếp theo, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tại Mỹ tuần kết thúc ngày 31/08 ở mức 222 nghìn đơn, giảm nhẹ xuống từ 228 nghìn đơn của tuần trước đó, trái với dự báo tăng lên thành 234 nghìn. Cán cân thương mại Mỹ trong tháng 7 thâm hụt 70,6 tỷ USD, nhỏ hơn mức thâm hụt 80,9 tỷ của tháng 6 và gần khớp với dự báo thâm hụt 70,2 tỷ. Cuối cùng, lượng hàng tồn kho bán buôn tại quốc gia này chỉ tăng 0,6% m/m trong tháng 7, nối tiếp đà tăng 0,8% của tháng trước đó và thấp hơn so với mức tăng 0,9% theo dự báo. Cũng trong tuần vừa qua, Chủ tịch Fed Jerome Powell tiếp tục có phát biểu cho thấy quyết tâm chống lạm phát của cơ quan này. Ngày 21/09, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed sẽ có cuộc họp chính sách tiếp theo. Ở thời điểm hiện tại, CME dự báo Fed có 91% khả năng sẽ tăng LSCS 75 đcb, và chỉ có 9% tăng 50 đcb.

Thị trường chứng khoán thế giới có tuần hồi phục. Kết thúc phiên thứ Sáu, chỉ số Dow Jones tăng 2,66% w/w, chỉ số DAX tăng nhẹ 0,29% và chỉ số Shanghai tăng 2,37%. Giới đầu tư chứng khoán nhận định thị trường đã phản ánh vào giá xong đối với những thông tin và kỳ vọng tăng LSCS của Fed cùng các NHTW lớn khác.

## Thị trường ngoại hối, vàng, dầu quốc tế

	9 Sep 22	Tuần (%)	Đầu năm (%)	Biến động 2021 (%)
USD index	109.00	-0.48%	13.58%	6.71%
USD/CNY	6.92	0.37%	9.00%	-2.65%
USD/EUR	1.00	-0.88%	13.24%	7.43%
USD/JPY	142.52	1.65%	23.84%	11.47%
USD/KRW	1379.77	1.37%	16.15%	9.54%
USD/SGD	1.40	-0.21%	3.66%	2.13%
USD/TWD	30.86	0.81%	11.36%	-1.29%
USD/THB	36.32	-0.95%	9.30%	10.62%
USD/VND Trung tâm	23263	0.19%	0.51%	0.06%
USD/VND LNH	23524	0.25%	3.20%	-1.32%
USD/VND tự do	24090	0.37%	2.73%	0.64%
Vàng	1716.05	0.27%	-6.14%	-3.59%
Dầu	86.79	-0.09%	15.40%	55.01%

### LIBOR

### SIBOR

Kỳ hạn	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	2.3146	-0.0001		
1M	2.7731	0.1174	2.3329	0.0016
3M	3.2454	0.0873	2.6730	0.0000
6M	3.8111	0.0746	0.8211	0.0000
1Y	4.1890	-0.0316		

Vàng tăng nhẹ trong tuần qua, đóng cửa phiên ngày thứ Sáu ở mức 1.716,05 USD/oz, tương đương tăng 0,27% w/w. Kim loại quý này không thể đi lên sau những phát biểu cứng rắn của Chủ tịch Fed. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia vẫn cho rằng ít có khả năng giá vàng rơi thủng mức 1.700 USD/oz trong môi trường lạm phát cao.

Giá dầu giảm nhẹ và gần như đi ngang sau tuần vừa qua. Kết thúc phiên thứ Sáu, dầu WTI ở mức 86,79 USD/thùng, tương đương giảm 0,09% w/w. Thị trường dầu mỏ trong tuần dao động mạnh, có lúc giảm sâu khi thị trường bi quan về triển vọng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, nguyên liệu này có phiên hồi phục ấn tượng vào cuối tuần do các đe dọa cắt giảm nguồn cung của Nga tới Châu Âu.

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội  
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm  
Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích  
Email: tranght5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích  
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)